

Bản án: 15/2023/DS-ST

Ngày: 12/01/2023

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hoà

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh
Ông Nguyễn Thanh Tiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/01/2023 và ngày 12/01/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 227/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 468/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 355/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị Ph, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp BT, xã BC, huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp BT, xã BC, huyện CP, tỉnh An Giang.

- Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1966;

+ Bà Trần Thị M, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Ấp BT, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phước H, ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị M có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2022 và quá trình tố tụng bà Lý Thị Ph và người đại diện của bà Lý Thị Ph trình bày:

Ngày 23/8/2019 vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị M có hỏi vay của bà Lý Thị Ph số tiền 47.700.000đ (Bốn mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng). Thỏa thuận 30 ngày sẽ trả vốn và lãi thỏa thuận là 3%/tháng. Nhưng từ khi vay đến nay vợ chồng ông D, bà M không trả vốn và lãi cho bà Ph. Khi vay có thể chấp cho bà Ph giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 85m² thuộc thửa số 44, tờ bản đồ số 49 đất tọa lạc tại xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Do vợ chồng ông D, bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nay bà Lý Thị Ph làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông D, bà M trả lại cho bà Ph số tiền vốn vay là 47.700.000đ (Bốn mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi là 1,66%/tháng tính từ ngày vay là 23/8/2019 đến khi giải quyết xong vụ án.

Mặc dù biên nhận nợ do bà M một mình ký tên nhưng bà M vay tiền để sử dụng chung trong gia đình nên trách nhiệm trả tiền là của vợ chồng bà M, ông D nên bà Ph yêu cầu vợ chồng bà M, ông D cùng chịu trách nhiệm; Không yêu cầu giải quyết đối với việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 85m² thuộc thửa số 44, tờ bản đồ số 49 đất tọa lạc tại xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Quá trình chuẩn bị xét xử bà Trần Thị M trình bày: Bà có vay số tiền của bà Ph 30.000.000đ, sau đó có dồn lãi 17.7000.000đ nên có ký biên nhận nợ ngày 23/8/2019 là 47.700.000đ, biên nhận không có thỏa thuận lãi suất nhưng thỏa thuận miệng lãi suất đến 30%/tháng, do lãi nặng quá nên bà không có tiền trả lãi, gốc từ lúc ký biên nhận đến nay. Tên Nguyễn Thị M trong biên nhận chính là tên của bà Trần Thị M, Tuy nhiên bà vẫn đồng ý trả số tiền 47.700.000đ cho bà Ph nhưng trả mỗi năm 10.000.000đ vào tháng 12 âm lịch hàng năm bắt đầu từ năm 2023 do con bà còn đi học đại học. Từ lúc ký biên nhận nợ số tiền 47.700.000đ đến nay bà chưa trả lãi cho bà Ph nhưng hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà xin không đóng lãi nữa. Khi vay bà có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà với ông D đứng tên nhưng bà không yêu cầu giải quyết đối với việc thế chấp này, cũng không yêu cầu nhận lại giấy. Mục đích vay tiền là bà sử dụng để tiêu sài cá nhân hàng ngày.

Quá trình chuẩn bị xét xử ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông với bà M là vợ chồng, việc bà M vay tiền của bà Ph và thế chấp quyền sử dụng đất đứng tên ông với bà M thì ông không biết. Giữa bà Ph và bà M vay tiền với nhau như thế nào thì ông không biết, bà M sử dụng số tiền đó vào việc gì ông cũng không biết. Đến thời điểm hiện tại giữa ông với bà M vẫn là vợ chồng, chưa ly hôn, chưa từng sống ly thân, vợ chồng vẫn sinh hoạt chung, cùng nuôi con ăn học. Hiện nay con đang học đại học nên vợ chồng phải cùng làm nuôi con học nên không có khả năng trả tiền cho bà Ph. Nếu bà Ph đồng ý cho vợ chồng ông trả theo phương thức 10.000.000đ một năm đến khi hết nợ, xin không tiếp tục đóng lãi thì ông cùng với bà M cùng làm, tích lũy tiền để trả cho bà Ph. Nếu bà Ph không đồng ý thì ông không đồng ý cùng trả tiền với bà M vì đây là nợ riêng của bà M; Ông không yêu cầu giải quyết về việc thế chấp quyền sử dụng đất của ông.

Tại phiên toà,

Ông Nguyễn Phước H đại diện theo ủy quyền của bà Ph trình bày: Vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Bà Trần Thị M trình bày: Bà thừa nhận có ký biên nhận nợ ngày 23/8/2019, do đó bà đồng ý trả tiền nợ gốc cho bà Ph với số tiền là 47.700.000đ và tiền lãi là 13.000.000đ nhưng tính chẵn tổng cộng gốc và lãi là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), bà yêu cầu được trả mỗi năm 10.000.000đ, đồng thời bà xin không tiếp tục tính lãi vì vợ chồng bà còn nuôi một con đang học đại học, thu nhập thấp không có khả năng trả một lần. Khi vay tiền thỏa thuận mức lãi suất là 30.000đ trên 1.000.000đ mỗi tháng.

Ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông với bà M là vợ chồng vẫn đang sinh sống với nhau, việc bà M vay tiền của bà Ph ông không biết, tuy nhiên ông vẫn đồng ý cùng bà M trả tiền cho bà Ph theo phương thức của bà M trình bày.

Các đương sự giữ nguyên ý kiến, yêu cầu giải quyết không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký thực hiện đúng đầy đủ thủ tục tố tụng; Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Ph; Về quyền kháng cáo, án phí đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: HĐXX thấy rằng, bà Lý Thị Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị M trả số tiền vay là 47.700.000đ và lãi suất 1,66%/tháng. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản. Bà Trần Thị M và ông Nguyễn Văn D có nơi cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về thời hiệu: Đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên HĐXX không xem xét là đúng theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.3] Về tài liệu, chứng cứ: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các đương sự không có ý kiến đối với các chứng cứ đã được công khai, tiếp cận. Do đó, Tòa án sẽ xem xét các tài liệu, chứng cứ này để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[1.4] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa, tuy nhiên khi tuyên án ông D vắng mặt không có lý do.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: “2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối,...

HĐXX thấy rằng, bà Trần Thị M thừa nhận có ký vào biên nhận ngày 23/8/2029 và có vay tiền như biên nhận, bà đồng ý trả số tiền nợ gốc cho bà Lý Thị Ph là 47.700.000đ, tuy nhiên bà M yêu cầu trả tiền cho bà Lý Thị Ph một năm 10.000.000đ đến khi hết nợ; ông Nguyễn Văn D thống nhất ý kiến của bà M. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không thống nhất phương thức trả tiền của bà M, ông D, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, bà M, ông D là vợ chồng, việc sinh hoạt, chi tiêu trong gia đình vợ chồng ông bà cùng chia sẻ với nhau, không có thỏa thuận chế độ tài sản theo thỏa thuận.

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định, “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ chung của vợ chồng như sau: “Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”.

Từ những phân tích trên, HĐXX có cơ sở xác định bà M, ông D còn nợ bà Ph số tiền 47.700.000đ, tuy nhiên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả mỗi năm 10.000.000đ của ông D, bà M mà cần phải buộc bà M, ông D chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Lý Thị Ph số tiền vay còn nợ là 47.700.000đ.

[2.1] Xét yêu cầu về lãi, lãi suất nguyên đơn:

Điều 357 Bộ luật dân sự quy định “1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Điều 468 Bộ luật dân sự quy định “1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận: Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực; 2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

HĐXX thấy rằng, bà M thừa nhận kể từ ngày ký biên nhận 23/8/2019 đến nay bà không trả lãi cho bà Ph do đó bà M, ông D phải trả lãi cho bà Ph theo quy định.

Về mức lãi suất HĐXX thấy rằng, giữa đại diện của nguyên đơn và bà M đều thống nhất mức lãi suất khi vay do các bên thỏa thuận là 3%/tháng, mức lãi suất này vượt quá mức 20%/năm quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và phần vượt quá không có giá trị pháp lý. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,66% một tháng là có lợi cho bị đơn nên HĐXX chấp nhận.

Tiền lãi tạm tính từ ngày 23/8/2019 đến ngày xét xử 12/01/2023 được xác định như sau: $1238 \text{ ngày} : 30 \times 47.700.000đ \times 1,66\% = 32.675.772đ$. Đồng thời bà M, ông D còn phải tiếp tục trả lãi chậm trả kể từ ngày 12/01/2023 đến khi trả hết nợ với mức lãi suất là 1,66%/tháng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

HĐXX thấy rằng, bà Lý Thị Ph được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Bà M, ông D bị buộc trách nhiệm trả tiền nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.018.788đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 280; Điều 288; Điều 357; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;
- Khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014
- Khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Ph.

Buộc bà Trần Thị M, ông Nguyễn Văn D chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Lý Thị Ph 80.375.772đ (Tám mươi triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm bảy mươi hai đồng). Trong đó, số tiền nợ gốc là 47.700.000đ (Bốn mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng); tiền lãi tính kể từ ngày 23/8/2019 đến ngày

12/01/2023 là 32.675.772đ (Ba mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm bảy mươi hai đồng).

Kể từ ngày 13/01/2023 bà M, ông D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất 1,66%/tháng đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị M, ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.018.788đ (Bốn triệu không trăm mười tám nghìn bảy trăm tám mươi tám đồng).

Bà Lý Thị Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Lý Thị Ph được nhận lại 1.192.000đ (Một triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004874 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Hoà